TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC N** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2019
V/v ly hôn giữa chị D và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994 "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Lương Phương N, sinh năm 1993 "vắng mặt"

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Lương Phương N đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về chung sống cùng anh N

ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N đã có người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ, con, thường xuyên chửi bới làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh N có 01 con chung là Lương Bảo Ngọc, sinh ngày 09/9/2016. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có.

Tại phiên tòa chị D vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị D.

Bị đơn, anh Lương Phương N có hộ khẩu thường trú tại thôn Rìa N, xã Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Anh N thường xuyên đi làm và hiện vẫn ở địa phương. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh N không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị D được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi con Lương Bảo Ngọc, sinh ngày 09/9/2016. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. N ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Lương Phương N đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D và anh N đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là Lương Bảo Ngọc, sinh ngày 09/9/2016. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện nay đang ở với chị D. Chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, có đủ điều kiện nuôi con và do cháu Ngọc dưới 36 tháng tuổi nên cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho chị D trực tiếp nuôi con là phù hợp. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Lương Phương N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi con Lương Bảo Ngọc, sinh ngày 09/9/2016. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003889 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục N;
- Chi cục THADS huyện Lục N;
- UBND xã Đ, huyện Lục N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy